

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 61

01
RÀ
C
V
1/16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiên Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2012)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hưng
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

2500
G T
M HỮU
TTI
NAM
TP.

Số: *96* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013, từ trang 05 đến trang 61. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC để xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị là khoảng 1.322 tỷ VND. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ đồng. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lỗ tiềm tàng và chi phí phát sinh ngoài hợp đồng nào vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.



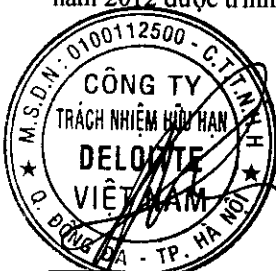
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau (Tiếp theo):

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Tổng Công ty đã thực hiện một phần giá trị hợp đồng và đã ký hợp đồng giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC Hà Nội) tiếp tục thực hiện phần giá trị còn lại của công trình với giá trị là 43.291.007 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVC Hà Nội đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm kiểm toán, các bên liên quan chưa thống nhất và ký chính thức phụ lục hợp đồng về giá trị bổ sung của công trình. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho các tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có), ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay. Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ đồng và đã ghi nhận là khoản phải thu khác, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% (không tính đến khoản bảo lãnh cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

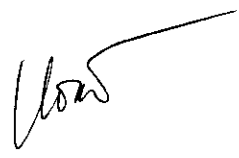
Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”). Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		12.590.793.663.243	9.770.329.440.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	736.104.188.896	784.019.160.576
1. Tiền	111		290.546.717.388	337.334.359.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		445.557.471.508	446.684.801.459
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	229.958.611.401	128.651.936.567
1. Đầu tư ngắn hạn	121		234.443.310.442	136.435.298.567
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.484.699.041)	(7.783.362.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.851.095.253.417	4.511.560.929.343
1. Phải thu khách hàng	131		1.457.790.545.893	1.406.898.891.445
2. Trả trước cho người bán	132	8	3.630.009.636.207	1.646.157.870.732
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		73.814.646.949	297.962.236.911
4. Các khoản phải thu khác	135	9	1.152.850.745.134	1.215.694.176.478
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(463.370.320.766)	(55.152.246.223)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.696.766.552.687	3.868.220.762.955
1. Hàng tồn kho	141		3.696.906.946.750	3.868.220.762.955
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(140.394.063)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.076.869.056.842	477.876.651.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.850.136.527	55.348.041.033
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		153.208.469.502	217.467.230.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	26	56.017.072.769	33.008.997.288
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.833.793.378.044	172.052.382.633

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 61 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		6.363.221.846.040	7.002.739.639.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.355.983.869	5.366.677.204
1. Phải thu dài hạn khác	218		5.355.983.869	5.366.677.204
II. Tài sản cố định	220		4.421.762.625.614	4.288.888.352.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.844.055.025.533	1.552.025.136.852
- Nguyên giá	222		2.365.463.914.759	1.908.534.590.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(521.408.889.226)	(356.509.453.168)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	128.244.640.233	119.198.937.098
- Nguyên giá	225		161.684.209.984	133.924.294.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.439.569.751)	(14.725.356.925)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	507.696.600.672	147.127.975.118
- Nguyên giá	228		515.536.920.919	151.106.105.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.840.320.247)	(3.978.130.598)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.941.766.359.176	2.470.536.303.666
III. Bất động sản đầu tư	240	16	232.386.316.102	124.352.195.092
- Nguyên giá	241		239.969.599.047	129.031.872.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.583.282.945)	(4.679.676.979)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.066.032.370.840	1.885.643.279.493
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	317.803.654.870	840.595.735.118
2. Góp vốn liên doanh	253		13.801.292.000	13.801.292.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	19	894.392.506.093	1.199.995.608.132
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	20	(159.965.082.123)	(168.749.355.757)
V. Tài sản dài hạn khác	260		593.968.963.016	642.407.442.619
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	21	398.369.337.346	448.074.315.297
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	87.355.050.399	85.755.678.561
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.244.575.271	108.577.448.761
VI. Lợi thế thương mại	269	23	43.715.586.599	56.081.692.174
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		18.954.015.509.283	16.773.069.079.849

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 61 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		13.856.505.240.026	11.293.286.619.263
I. Nợ ngắn hạn	310		12.082.873.875.235	9.712.951.439.408
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	24	2.688.745.661.644	3.367.649.005.244
2. Phải trả người bán	312		1.480.714.386.947	1.573.839.275.384
3. Người mua trả tiền trước	313	25	6.230.381.745.440	2.864.106.607.031
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26	107.347.950.097	134.627.012.017
5. Phải trả người lao động	315		68.869.481.045	120.651.534.893
6. Chi phí phải trả	316	27	621.428.483.244	635.154.620.771
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	28	877.671.688.762	1.005.895.028.186
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.714.478.056	11.028.355.882
II. Nợ dài hạn	330		1.773.631.364.791	1.580.335.179.855
1. Phải trả dài hạn khác	333		184.553.597.978	44.945.118.609
2. Vay và nợ dài hạn	334	29	1.468.127.388.400	1.443.359.529.617
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	11.362.562.776	13.995.134.774
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	2.390.052.368
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		13.502.462.956	18.274.957.748
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		96.085.352.681	57.370.386.739
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.848.113.343.812	2.755.945.543.837
I. Vốn chủ sở hữu	410	30	2.848.113.343.812	2.755.945.543.837
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	4.144.268.326
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.494.133.407)	(6.543.182.595)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(19.115.598.973)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.774.784.389	63.033.272.801
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.450.190.982	52.675.506.824
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.818.417.732	4.028.121.130
9. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.297.499.192.128)	154.659.880.080
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.249.396.925.445	2.723.836.916.749
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		18.954.015.509.283	16.773.069.079.849

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 61 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- USD	USD	2.317.943	98.534
- EUR	EUR	14	8



Bùi Hoàng Giang
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Ngọc Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.660.992.660.732	9.304.123.046.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		191.488.521.019	32.203.459.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	32	4.469.504.139.713	9.271.919.586.481
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	4.680.007.431.395	8.262.007.212.838
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(210.503.291.682)	1.009.912.373.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	129.096.316.537	314.791.865.375
7. Chi phí tài chính	22	35	587.199.010.427	477.376.687.036
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		475.987.230.490	306.487.481.093
8. Chi phí bán hàng	24		15.955.198.139	19.041.370.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.036.029.727.950	714.395.338.663
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(1.720.590.911.661)	113.890.842.567
11. Thu nhập khác	31		123.432.305.652	84.186.972.522
12. Chi phí khác	32		114.843.654.272	40.233.288.765
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		8.588.651.380	43.953.683.757
14. (Lỗ)/Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		(111.859.764.350)	27.065.080.516
15. Tổng(lãi)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(1.823.862.024.631)	184.909.606.840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	28.927.909.955	153.360.489.123
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	(5.452.751.232)	(65.696.265.789)
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.847.337.183.354)	97.245.383.506
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(508.946.193.723)	116.369.108.847
(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(1.338.390.989.631)	(19.123.725.341)
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(3.670)	(76)

H. M. C. H. T. U.

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

Bùi Hoàng Giang
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|-------|---------------------|---------------------|
| | | (Trình bày lại) | |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| <i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | (1.823.862.024.631) | 184.909.606.840 |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 247.047.119.019 | 144.700.901.064 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 432.060.065.235 | 151.156.857.690 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 9.473.825.279 | - |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (102.944.047.999) | (288.245.952.554) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 475.987.230.490 | 306.487.481.093 |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | (762.237.832.607) | 499.008.894.133 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (1.456.235.696.678) | (443.236.273.578) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | 171.313.816.205 | (2.198.897.266.727) |
| Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 3.276.063.764.051 | 1.225.653.002.123 |
| Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác | 12 | 140.317.359.167 | 31.922.979.765 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (282.776.928.903) | (419.788.442.776) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (80.082.309.003) | 127.356.136.745 |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 4.415.988.697 | 188.470.887.335 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (1.789.038.510.667) | (112.747.855.257) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | (778.260.349.738) | (1.102.257.938.237) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (403.202.711.054) | (1.479.062.876.823) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 2.298.633.219 | 222.561.902.936 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (50.000.000.000) | (883.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 67.676.000.000 | 1.030.563.411.212 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (17.286.017.167) | (32.571.100.842) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 200.901.803.550 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 95.163.583.419 | 160.660.942.333 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | (104.448.708.033) | (980.847.721.184) |

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 61 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|-----------|-------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông | 31 | 1.375.000.000.000 | - |
| 2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (29.710.000) | (18.305.601.139) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 2.968.510.582.628 | 6.341.963.509.991 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (3.488.941.990.923) | (4.960.236.765.050) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | (19.749.226.403) | (17.758.566.220) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông | 36 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | 834.789.655.302 | 1.345.662.577.582 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | 50 | (47.919.402.469) | (737.443.081.839) |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | 60 | 784.019.160.576 | 1.521.462.242.415 |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | 61 | 4.430.789 | - |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | 70 | 736.104.188.896 | 784.019.160.576 |

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 125.000.000.000 VND, là số tiền trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm số tiền 91.361.184.288 VND là tiền đã bị một số ngân hàng giữ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do các công ty con của Tổng Công ty không thực hiện thanh toán đúng hạn các khoản nợ đến hạn tại các ngân hàng này và số tiền 1.665.609.000.000 VND là số tiền nhận ứng trước của Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.


 Bùi Hoàng Giang
 Người lập


 Phạm Tiến Đạt
 Kế toán trưởng



 Phó Tổng Giám đốc
Phạm Ngọc Hưng
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.331.000 VND, chiếm 54,55%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.862 người (31 tháng 12 năm 2011: 7.322 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giảm mạnh so với năm 2011, lỗ phát sinh với số tiền là khoảng 1.847 tỷ VND, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh âm khoảng 778 tỷ VND, dư nợ khoản vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.588 tỷ VND (Thuyết minh số 24) và bảo lãnh ngân hàng quá hạn là 643 tỷ VND (Thuyết minh số 39). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2013 để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ nhận được nguồn doanh thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong hàng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm tất cả các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và nợ khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm 2012</u> |
|------------------------|-----------------|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 7 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 |
| Tài sản khác | 3 - 7 |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

| | <u>Năm 2012</u> |
|---------------------|-----------------|
| | Số năm |
| Máy móc, thiết bị | 8 - 12 |
| Phương tiện vận tải | 3 - 10 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Cụ thể:

- Quyền sử dụng 1.218 m² đất lâu dài và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web

Giá trị phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 19.115.598.973 VND và lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 19.115.598.973 VND và số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 19.115.598.973 VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH

Theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 9 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Các khoản điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- Tăng khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính chủ yếu do Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long do khoản lỗ của công ty này nằm trong kế hoạch lỗ 3 năm kể từ ngày Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.
- Tăng phải thu khác hàng đồng thời giảm phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng do phân loại lại.
- Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đồng thời giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang do phân loại lại.
- Tăng chi phí trả trước dài hạn tăng đồng thời giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình với do phân loại lại lợi thế thương mại khi cổ phần hóa.
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước do các đơn vị của Tổng Công ty chưa ghi nhận thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với giá trị công trình đã nghiệm thu, ghi nhận doanh thu nhưng chưa xuất hoá đơn.
- Tăng doanh thu do công trình đã nghiệm thu nhưng chưa ghi nhận doanh thu.
- Tăng giá vốn hàng bán liên quan đến việc điều chỉnh giảm giá chi phí liên quan đến công trình kho lạnh LPG do Kiểm toán Nhà nước kết luận chưa đủ điều kiện để điều chỉnh giảm giá.

TRU
DÓN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

Đơn vị: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| | 31/12/2011 | | 31/12/2011 | |
|------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| | Trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Trước điều chỉnh | Sau điều chỉnh |
| Tài sản ngắn hạn | 9.953.101.356.017 | (182.771.915.484) | 9.770.329.440.533 | |
| Tài sản dài hạn | 6.917.162.593.889 | 85.577.045.427 | 7.002.739.639.316 | |
| Nợ phải trả | 11.187.350.920.784 | 105.935.698.479 | 11.293.286.619.263 | |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | 2.971.744.237.332 | (215.798.693.495) | 2.755.945.543.837 | |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 2.711.168.791.790 | 12.668.124.959 | 2.723.836.916.749 | |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| | Năm 2011 | | Năm 2011 | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| | Trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Trước điều chỉnh | Sau điều chỉnh |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 9.286.993.703.290 | 17.129.342.732 | 9.304.123.046.022 | |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 8.199.823.806.527 | 62.183.406.311 | 8.262.007.212.838 | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 312.374.875.815 | 2.416.989.560 | 314.791.865.375 | |
| Chi phí tài chính | 311.336.552.456 | 166.040.134.580 | 477.376.687.036 | |
| Lợi nhuận khác | 34.587.736.506 | 9.365.947.251 | 43.953.683.757 | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 299.400.010.200 | (202.154.626.694) | 97.245.383.506 | |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

| | Năm 2011 | | Năm 2011 | |
|--|------------------|-------------------|------------------|----------------|
| | Trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Trước điều chỉnh | Sau điều chỉnh |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 379.466.203.374 | (194.556.596.534) | 184.909.606.840 | |
| 2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 528.828.900.128 | (29.820.005.995) | 499.008.894.133 | |

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|--------------------------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | VND | | VND | |
| Tiền mặt | 25.532.092.863 | | 34.001.558.365 | |
| Tiền gửi ngân hàng | 265.013.319.525 | | 303.332.800.752 | |
| Tiền đang chuyển | 1.305.000 | | - | |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 445.557.471.508 | | 446.684.801.459 | |
| | 736.104.188.896 | | 784.019.160.576 | |

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn khác (i) | 234.443.310.442 | 136.435.298.567 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (4.484.699.041) | (7.783.362.000) |
| | 229.958.611.401 | 128.651.936.567 |

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản đầu tư sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 23.996.789.041 | 21.561.156.460 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess | - | 6.936.563.433 |
| Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành vay (thời hạn cho vay 3 tháng) | 86.134.500.000 | 80.000.000.000 |
| Góp vốn đầu tư Khu đô thị dầu khí Sông Hồng | 27.500.000.000 | 27.500.000.000 |
| Góp vốn đầu tư vào Dự án Golden Palace | 20.049.750.000 | - |
| Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM | 23.253.395.500 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn (từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng) | 50.000.000.000 | - |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn khác | 3.508.875.901 | 437.578.674 |
| | 234.443.310.442 | 136.435.298.567 |

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty công nghiệp Daelim (*) | 2.060.095.613.280 | - |
| Tập đoàn Sojitz (*) | 367.860.302.250 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng PVC- IMICO | 243.063.575.162 | 318.776.420.540 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC | 151.367.390.188 | 96.555.329.580 |
| Tổng công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát | 46.690.673.152 | 58.658.436.472 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí | 46.311.636.911 | 34.623.985.000 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương | 46.276.347.855 | 48.785.877.985 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | 44.251.334.989 | 12.111.944.546 |
| Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp tàu thủy phía Nam | 41.818.269.300 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 | 26.708.623.422 | 26.442.567.165 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam | 5.000.000.000 | 188.113.486.094 |
| Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Seen | - | 45.655.622.000 |
| CT TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp | - | 39.177.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Sông Đà | - | 25.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | - | 26.145.597.511 |
| Các nhà cung cấp khác | 550.565.869.698 | 725.511.603.839 |
| | 3.630.009.636.207 | 1.646.157.870.732 |

(*) Khoản trả trước cho liên danh nhà thầu Sojitz và Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí-Idico | 118.295.555.492 | 101.620.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) | - | 139.235.260.203 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 98.777.387.739 | 96.503.070.995 |
| Công ty TNHH VNT | 65.215.840.000 | - |
| Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát | 54.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) | 198.999.199.967 | 40.677.599.566 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OCG) | 34.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh | - | 200.000.000.000 |
| Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas) | 5.710.202.061 | 120.000.000.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) | 113.850.000.000 | 113.850.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal) | 17.226.972.263 | 16.220.000.000 |
| Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) | 21.328.869.681 | 26.179.097.064 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*) | 45.477.848.975 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (*) | 39.213.925.313 | - |
| Phải thu khác | 340.254.943.643 | 361.409.148.650 |
| | <u>1.152.850.745.134</u> | <u>1.215.694.176.478</u> |

(*) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội thể hiện khoản tiền các ngân hàng này đã cắt từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 39).

10. HÀNG TỒN KHO

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Nguyên liệu, vật liệu (**) | 43.944.546.968 | 73.777.379.505 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.623.604.413 | 7.552.512.615 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 3.210.365.531.112 | 3.621.827.482.598 |
| Thành phẩm | 61.957.815.985 | 99.445.944.580 |
| Hàng hóa (***) | 343.568.592.983 | 13.648.761.143 |
| Hàng hóa bất động sản | 28.446.855.289 | 51.968.682.514 |
| | <u>3.696.906.946.750</u> | <u>3.868.220.762.955</u> |
| Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (140.394.063) | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | <u>3.696.766.552.687</u> | <u>3.868.220.762.955</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang, tại ngày 31/12/2012, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Công trình Ethanol | 356.127.289.854 | 502.745.427.821 |
| Công trình LPG Lạnh | 125.122.370.825 | 124.785.032.309 |
| Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 | 132.712.081.534 | 33.114.366.327 |
| Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 | 272.276.483.131 | 283.497.114.108 |
| Dự án Khách sạn Lam Kinh | - | 126.153.747.856 |
| Công trình PetroVietNam Landmark | 222.949.151.204 | 252.190.544.504 |
| Công trình chung cư Petroland Quận 2, TP. HCM | 203.930.405.718 | 351.774.625.065 |
| Khu TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (i) | 419.381.257.051 | 478.111.363.802 |
| Dự án chung cư cao tầng Thăng Long - Q.9 - TP. HCM (ii) | 345.000.000.000 | 345.000.000.000 |
| Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Q.7 - TP. HCM | 369.262.121.850 | 365.849.548.073 |
| Các công trình khác | 763.604.369.945 | 758.605.712.733 |
| | <u>3.210.365.531.112</u> | <u>3.621.827.482.598</u> |

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 29, PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(ii) Chi phí quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư của Dự án chung cư cao tầng Thăng Long, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh của PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản và phát hiện một số nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định bị thiếu so với sổ sách. PVC-ME đã xác định nguyên nhân và xử lý hạch toán kế toán trên sổ sách làm tổng chi phí trong năm tăng lên 20.252.583.193 VND.

(***) Bao gồm 226.803.416.438 VND là giá trị tòa nhà Bạc Liêu Tower của PVC-Mekong (Công ty con của Tổng Công ty). Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐTDK ngày 20 tháng 3 năm 2013 của PVC-Mekong, Hội đồng quản trị PVC-Mekong đã thống nhất phương án chuyển nhượng dự án Bạc Liêu Tower theo hình thức đấu giá công khai để cân bằng tình hình tài chính của Công ty. Giá bán khởi điểm Bạc Liêu Tower được phê duyệt theo trị giá của Chứng thư Thẩm định giá - Công ty Cổ phần Thẩm định - Giám định Cửu Long là 201.862.283.000 VND.

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng (i) | 147.716.662.224 | 158.958.823.351 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii) | 1.684.618.981.560 | 12.973.535.022 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.457.734.260 | 120.024.260 |
| | <u>1.833.793.378.044</u> | <u>172.052.382.633</u> |

(i) Bao gồm khoản tạm ứng cho ban chỉ huy công trường, nhân viên của PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) với số tiền 45.085.169.215 VND tồn đọng lâu ngày và 1.533.920.659 VND tạm ứng cho các nhân viên đã chuyển công tác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá các khoản tạm ứng này có thể thu hồi được và chưa thực hiện trích lập dự phòng cho số dư tạm ứng này.

(ii) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn bao gồm số tiền 1.665.609.000.000 VND Tổng Công ty ký quỹ để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| NGUYÊN GIÁ | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải | | Thiết bị văn phòng | | Tài sản khác | | Tổng cộng | |
|--|------------------------|------------------|-------------------|-----------------|---------------------|-------------------|--------------------|-----|--------------|-----|-----------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2012 | 836.332.417.353 | 748.672.455.340 | 242.592.455.656 | 74.170.863.648 | 6.766.398.023 | 1.908.534.590.020 | | | | | | |
| Tăng do mua sắm | 68.084.308.391 | 16.662.080.109 | 9.311.316.380 | 8.418.111.673 | 407.312.500 | 102.883.129.053 | | | | | | |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 86.142.500.457 | 45.454.545 | - | - | - | 86.187.955.002 | | | | | | |
| Tăng do hợp nhất các công ty con (i) | 235.247.055.061 | 166.651.664.135 | 1.627.778.677 | 2.176.355.134 | 11.232.000 | 405.714.085.007 | | | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.745.210.527) | (37.899.327.998) | (5.237.723.372) | (1.587.676.697) | - | (46.469.938.594) | | | | | | |
| Giảm do không hợp nhất công ty con (i) | - | - | (3.806.280.001) | (2.366.184.267) | - | (6.172.464.268) | | | | | | |
| Giảm khác (ii) | (17.367.212.655) | (25.823.783.840) | (39.749.440.713) | (296.981.909) | - | (83.237.419.117) | | | | | | |
| Phân loại lại | (76.615.014.914) | 75.200.155.665 | (1.721.760.000) | - | 1.160.596.905 | (1.976.022.344) | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 1.130.078.843.166 | 943.508.697.956 | 203.016.346.627 | 80.514.487.582 | 8.345.539.428 | 2.365.463.914.759 | | | | | | |

GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ

| | | | | | | |
|--|----------------|------------------|------------------|-----------------|---------------|------------------|
| Tại ngày 01/01/2012 | 23.224.427.533 | 203.229.160.718 | 91.695.955.065 | 35.375.186.272 | 2.984.723.580 | 356.509.453.168 |
| Trích khấu hao trong năm | 35.046.783.872 | 126.496.444.487 | 39.255.804.244 | 18.480.876.195 | 1.398.140.181 | 220.678.048.979 |
| Tăng do hợp nhất các công ty con (i) | 2.770.844.753 | 3.678.564.275 | 175.945.776 | 702.315.096 | 561.600 | 7.328.231.500 |
| Thanh lý, nhượng bán | (640.427.496) | (10.317.799.332) | (3.323.678.108) | (1.270.997.405) | - | (15.552.902.341) |
| Giảm do không hợp nhất công ty con (i) | - | - | (3.021.474.288) | (1.423.632.330) | - | (4.445.106.618) |
| Giảm khác (ii) | - | (23.563.397.738) | (19.482.668.113) | (16.493.867) | - | (43.062.559.718) |
| Phân loại lại | (46.275.744) | 15.422.075 | - | (15.422.075) | - | (46.275.744) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 60.355.352.918 | 299.538.394.485 | 105.299.884.576 | 51.831.831.886 | 4.383.425.361 | 521.408.889.226 |

| | | | | | | |
|---------------------|-------------------|-----------------|-----------------|----------------|---------------|-------------------|
| Tại ngày 31/12/2012 | 1.069.723.490.248 | 643.970.303.471 | 97.716.462.051 | 28.682.655.696 | 3.962.114.067 | 1.844.055.025.533 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 813.107.989.820 | 545.443.294.622 | 150.896.500.591 | 38.795.677.376 | 3.781.674.443 | 1.552.025.136.852 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 752.011.221.580 VND (31 tháng 12 năm 2011: 353.324.974.277 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 65.315.668.341 VND (31 tháng 12 năm 2011: 53.026.153.367 VND).

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty, đồng thời PVR không còn là công ty con của Tổng Công ty.
- (ii) Giảm khác chủ yếu là do điều chỉnh số dư nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của PVC-ME (công ty con của Tổng Công ty) do giải thể công ty con PME 2 của PVC-ME.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Máy móc,
thiết bị
VND | Phương tiện
vận tải
VND | Cộng
VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 76.751.803.613 | 57.172.490.410 | 133.924.294.023 |
| Thuê tài chính trong năm | - | 31.203.297.313 | 31.203.297.313 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (3.443.381.352) | (3.443.381.352) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 76.751.803.613 | 84.932.406.371 | 161.684.209.984 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 10.087.199.911 | 4.638.157.014 | 14.725.356.925 |
| Khấu hao trong năm | 10.299.272.953 | 9.295.813.666 | 19.595.086.619 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (880.873.793) | (880.873.793) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 20.386.472.864 | 13.053.096.887 | 33.439.569.751 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | 56.365.330.749 | 71.879.309.484 | 128.244.640.233 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 66.664.603.702 | 52.534.333.396 | 119.198.937.098 |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| | Quyền sử
dụng đất | Bản quyền,
bằng sáng chế | Phần mềm
máy tính | Tài sản
khác | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 140.621.206.665 | 25.000.000 | 10.384.899.051 | 75.000.000 | 151.106.105.716 |
| Tăng do mua sắm | 67.574.544 | - | 4.750.019.383 | 29.000.000 | 4.846.593.927 |
| Thay đổi do hợp nhất
các công ty con (i) | 359.646.008.945 | - | (61.787.669) | - | 359.584.221.276 |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>500.334.790.154</u> | <u>25.000.000</u> | <u>15.073.130.765</u> | <u>104.000.000</u> | <u>515.536.920.919</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 756.911.336 | 10.961.771 | 3.164.021.180 | 46.236.311 | 3.978.130.598 |
| Khấu hao trong năm | 978.015.382 | 8.063.333 | 2.859.856.360 | 24.442.380 | 3.870.377.455 |
| Thay đổi do hợp nhất
các công ty con (i) | 120.908.190 | - | (129.095.996) | - | (8.187.806) |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>1.855.834.908</u> | <u>19.025.104</u> | <u>5.894.781.544</u> | <u>70.678.691</u> | <u>7.840.320.247</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>498.478.955.246</u> | <u>5.974.896</u> | <u>9.178.349.221</u> | <u>33.321.309</u> | <u>507.696.600.672</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>139.864.295.329</u> | <u>14.038.229</u> | <u>7.220.877.871</u> | <u>28.763.689</u> | <u>147.127.975.118</u> |

PVC-MS (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.841.318.833 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty, đồng thời PVR không còn là công ty con của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Dự án CT10-11 Văn Phú | - | 496.505.644.996 |
| Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình | 483.612.469.382 | 329.545.286.552 |
| Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh | 194.788.420.496 | 186.129.747.425 |
| Dự án Xuân Phương (i) | 170.550.146.770 | 170.550.146.770 |
| Dự án Bạc Liêu Tower | - | 167.273.404.195 |
| Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu | 153.782.811.274 | 151.405.149.594 |
| Công trình - Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh Vũng Tàu | 122.067.615.550 | 62.316.085.205 |
| Chung cư Nam An Khánh | 116.575.996.438 | 116.575.996.438 |
| Dự án Khách sạn Lam Kinh | 113.436.350.353 | - |
| Công trình - Đầu tư Bất Động sản Khu du lịch Thanh Bình P10 | 101.846.923.850 | 102.671.984.850 |
| Dự án Khu công nghiệp và dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang | 101.497.661.092 | 97.208.781.818 |
| Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu | 74.366.076.011 | 73.289.959.066 |
| Dự án trụ sở PVFC tại Hải Phòng (ii) | 71.908.280.081 | 70.514.751.850 |
| Các công trình, dự án khác | 237.333.607.879 | 446.549.364.907 |
| | 1.941.766.359.176 | 2.470.536.303.666 |

- (i) PVC-Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại khu đô thị mới Xuân Phương với giá trị là 108.907.331.000 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) PVC-Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất trong tương lai thuộc Dự án Tòa nhà trụ sở PVFC tại Hải Phòng để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

0 * M.S.D.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

| | Nhà cửa,
vật kiến trúc | Quyền sử dụng
đất | Tổng |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 84.899.664.340 | 44.132.207.731 | 129.031.872.071 |
| Tăng trong năm | - | 37.693.708.092 | 37.693.708.092 |
| Tăng do hợp nhất các công ty con (i) | - | 73.245.474.261 | 73.245.474.261 |
| Giảm khác | (1.455.377) | | (1.455.377) |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>84.898.208.963</u> | <u>155.071.390.084</u> | <u>239.969.599.047</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 4.679.676.979 | - | 4.679.676.979 |
| Khấu hao trong năm | 2.903.605.966 | - | 2.903.605.966 |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>7.583.282.945</u> | <u>-</u> | <u>7.583.282.945</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>77.314.926.018</u> | <u>155.071.390.084</u> | <u>232.386.316.102</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>80.219.987.361</u> | <u>44.132.207.731</u> | <u>124.352.195.092</u> |

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 70.802.245.295 VND (31 tháng 12 năm 2011 là 70.802.245.295 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng tại số 16 Trương Định, Phường 16, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh của PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty). Trong tháng 12 năm 2012, PVC-Petroland đã ký hợp đồng chuyển nhượng tòa nhà số 16 Trương Định cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với giá trị chuyển nhượng bằng giá trị còn lại của tài sản và đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, bàn giao cho SCIC trong năm 2013.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| STT | Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính |
|-----|--|----------------------------|-----------------------|----------------------------|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) | Đà Nẵng | 51% | 51% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 2 | Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) | Thành phố Hồ Chí Minh | 51% | 51% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 3 | Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) | Vũng Tàu | 51% | 51% | Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản |
| 4 | Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) | Vũng Tàu | 54% | 54% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 5 | Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i) (ii) | Hà Nội | 36% | 36% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 6 | Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i) | Hà Nội | 40% | 40% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 7 | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) | Cần Thơ | 53% | 53% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 8 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i) | Thanh Hóa | 36% | 36% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 9 | Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) | Hà Nội | 76% | 76% | Kinh doanh bất động sản và dịch vụ |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình) | Thái Bình | 72% | 72% | Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ |
| 11 | Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i) | Hà Nội | 36% | 36% | Kinh doanh bất động sản và dịch vụ |
| 12 | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i) | Thành phố Hồ Chí Minh | 36% | 36% | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp |
| 13 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt) | Thành phố Hồ Chí Minh | 49% | 53% | Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng |
| 14 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) (i) | Hải Phòng | 35% | 35% | Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, xăng dầu, vật liệu xây dựng |
| 15 | Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh | Thanh Hóa | 51% | 82% | Kinh doanh dịch vụ khách sạn |

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland và PVC-Duyên Hải nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” và Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán dự án tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (Giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói của dự án số 59/2009-EPC ngày 12 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí là 50.098.000 USD, giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được thống nhất và ký phụ lục hợp đồng bổ sung với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (chủ đầu tư dự án). Báo cáo tài chính của PVC-HN (Công ty con của Tổng Công ty) chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị tăng thêm theo kết quả thẩm tra nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty chưa xem xét bất kỳ ảnh hưởng nào của giá trị tăng thêm này đến lợi nhuận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012; do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm hoạt động này.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 418.753.447.055 | 825.706.831.668 |
| Lợi thế thương mại | (2.002.031.897) | (2.002.031.897) |
| Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết | (98.947.760.288) | 16.890.935.347 |
| | <u>317.803.654.870</u> | <u>840.595.735.118</u> |

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng tài sản | 5.727.138.633.013 | 7.010.177.621.061 |
| Tổng công nợ | 4.561.587.932.932 | 4.453.518.803.786 |
| Tài sản thuần | 1.165.550.700.081 | 2.556.658.817.275 |
| Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết | <u>317.803.654.870</u> | <u>840.595.735.118</u> |

| | <u>2012</u> | <u>2011</u> |
|--|--------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu | 1.551.896.343.693 | 3.050.556.217.632 |
| Lợi nhuận thuần | (369.786.048.043) | 42.666.636.468 |
| Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết | <u>(111.859.764.350)</u> | <u>27.065.080.516</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về một số công ty liên kết chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Stt | Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2012 VND | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % | Hoạt động chính |
|-----|--|----------------------------|---|---------------------|--------------------------|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC | Hà Nội | 3.740.000.000 | 44 | 44 | Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình |
| 2 | Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam | Hà Nội | 2.600.000.000 | 26 | 26 | Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện |
| 3 | Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam | Hà Nội | 100.000.000.000 | 27 | 27 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản |
| 4 | Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí | Hà Nội | 20.000.000.000 | 50 | 50 | Thiết kế và thi công các công trình xây dựng |
| 5 | Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) | Nghệ An | 55.000.000.000 | 23 | 23 | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 6 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn | Thành phố Hồ Chí Minh | 86.819.907.055 | 25 | 25 | Xây lắp, kinh doanh bất động sản |
| 7 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) | Hà Nội | 30.000.000.000 | 27 | 27 | Xây lắp, sản xuất công nghiệp |
| 8 | Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC- FECON | Hà Nam | 37.500.000.000 | 29 | 35 | Sản xuất công nghiệp |
| 9 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC) | Bắc Ninh | 35.163.540.000 | 19 | 23 | Sản xuất công nghiệp |
| 10 | Công ty cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm | Đà Nẵng | 22.800.000.000 | 23 | 46 | Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp |
| 11 | Công ty cổ phần Xây lắp và vật liệu Xây dựng dầu khí Sông Hồng | Hà Nội | 7.000.000.000 | 14 | 39 | Xây dựng |
| 12 | Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn | Quảng Bình | 18.130.000.000 | 12 | 24 | Xây lắp, sản xuất công nghiệp |
| | Tổng cộng | | 418.753.447.055 | | | |

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư chứng khoán (i) | 576.966.021.999 | 654.416.021.999 |
| Hợp đồng hợp tác đầu tư | 315.608.302.274 | 540.261.404.313 |
| Khác | 1.818.181.820 | 5.318.181.820 |
| | 894.392.506.093 | 1.199.995.608.132 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| | 31/12/2012 | | 31/12/2011 | |
|--|------------------------|-----|------------------------|-----|
| | VND | % | VND | % |
| 1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | 147.300.000.000 | 15% | 147.300.000.000 | 15% |
| 2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico | 136.068.065.000 | 16% | 148.068.065.000 | 17% |
| 3 Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) | 86.100.000.000 | 14% | 86.100.000.000 | 14% |
| 4 Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép dầu khí (PV PIPE) | 78.000.000.000 | 16% | 75.000.000.000 | 15% |
| 5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC | 30.000.000.000 | 10% | 30.000.000.000 | 10% |
| 6 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) | 16.764.968.199 | 15% | 16.764.968.199 | 15% |
| 7 Công ty Cổ phần Hải Đăng | 15.000.000.000 | 5% | 15.000.000.000 | 5% |
| 8 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí | 13.200.000.000 | 6% | 13.200.000.000 | 6% |
| 9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO | 12.500.000.000 | 5% | 12.500.000.000 | 5% |
| 10 Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco) | 10.200.000.000 | 13% | 10.200.000.000 | 13% |
| 11 Các khoản đầu tư dài hạn khác | 31.832.988.800 | | 100.282.988.800 | |
| | 576.966.021.999 | | 654.416.021.999 | |

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Với những đơn vị chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của năm gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

20. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (*) | 147.300.000.000 | 143.324.809.747 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco | 10.200.000.000 | 5.710.105.343 |
| Dự phòng đầu tư dài hạn khác | 2.465.082.123 | 19.714.440.667 |
| | 159.965.082.123 | 168.749.355.757 |

(*) Phần lớn khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long được trích lập hồi tố vào báo cáo năm 2011 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 là do khoản lỗ nằm trong kế hoạch lỗ 3 năm kể từ ngày Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

| | 31/12/2012 | 31/12/2011
(Trình bày lại) |
|--|------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí trả trước về thuê văn phòng | 108.364.004.812 | 116.484.764.160 |
| Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại | 58.924.728.846 | 100.638.748.835 |
| Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình | 103.055.961.057 | 104.317.229.973 |
| Lợi thế kinh doanh (i) | 61.725.305.796 | 51.949.748.847 |
| Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (ii) | 14.231.623.641 | 17.720.106.510 |
| Chi phí trả trước tiền thuê đất khu Công nghiệp Hòa Mạc | 20.927.218.704 | 21.381.390.321 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 31.140.494.490 | 35.582.326.651 |
| | 398.369.337.346 | 448.074.315.297 |

(i) Lợi thế kinh doanh chủ yếu bao gồm 43.536.700.000 VND là giá trị sau khi đánh giá lại quyền sử dụng đất có thời hạn (hết hạn vào năm 2015) tại Vũng Tàu của PVC-IC (Công ty con của Tổng Công ty) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty sang Công ty Cổ phần. Trong năm, PVC-IC không thực hiện phân bổ đối với các lợi thế kinh doanh này do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, căn hộ để kinh doanh.

(ii) Chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) qua sàn giao dịch Bất động sản theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam ký với PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

| | Đánh giá lại
giá trị lợi thế
kinh doanh
VND | Doanh thu chưa
thực hiện
VND | Chi phí phải trả
và các khoản dự
phòng khác
VND | Loại trừ lợi
nuận chưa thực
hiện trong hàng
tồn kho cuối năm
VND | Khác
VND | Tổng cộng
VND |
|--------------------------------------|--|------------------------------------|--|--|-----------------|------------------|
| | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2011 | (14.515.089.326) | - | 1.937.342.669 | 15.570.787.299 | 4.047.179.198 | 7.040.219.840 |
| Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong năm) | 281.002.874 | - | (687.300.935) | 61.524.553.509 | 3.602.068.499 | 64.720.323.947 |
| Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày lại) | (14.234.086.452) | - | 1.250.041.734 | 77.095.340.808 | 7.649.247.697 | 71.760.543.787 |
| Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong kỳ) | 3.709.593.978 | - | - | 5.878.158.040 | (4.047.179.198) | 5.540.572.820 |
| Khác | 326.773.266 | - | (1.250.041.734) | - | (385.360.516) | (1.308.628.984) |
| Tại ngày 31/12/2012 | (10.197.719.208) | - | - | 82.973.498.848 | 3.216.707.983 | 75.992.487.623 |

Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (11.362.562.776) | (13.995.134.774) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 87.355.050.399 | 85.755.678.561 |
| | 75.992.487.623 | 71.760.543.787 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

| | <u>Lợi thể thương mại</u>
VND |
|--------------------------------|----------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 70.427.454.676 |
| Tăng do mua công ty con | 4.711.430.025 |
| Giảm do hợp nhất | (10.644.979.990) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 64.493.904.711 |
| GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 14.345.762.502 |
| Khấu hao trong năm | 7.763.178.109 |
| Giảm do bán công ty con | (1.330.622.499) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 20.778.318.112 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>43.715.586.599</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>56.081.692.174</u> |

24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | <u>31/12/2012</u>
VND | <u>31/12/2011</u>
VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn | 2.394.095.684.444 | 2.969.404.223.069 |
| - Vay tại Công ty mẹ | 1.098.797.418.550 | 1.634.056.397.458 |
| - Vay tại các công ty con | 1.295.298.265.894 | 1.335.347.825.611 |
| Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | 294.649.977.200 | 398.244.782.175 |
| - Vay tại Công ty mẹ | 10.590.941.966 | 1.428.673.752 |
| - Vay tại các công ty con | 284.059.035.234 | 396.816.108.423 |
| | <u>2.688.745.661.644</u> | <u>3.367.649.005.244</u> |

Chi tiết một số khoản vay và nợ ngắn hạn chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

| | <u>31/12/2012</u>
VND | <u>31/12/2011</u>
VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i) | 245.069.108.470 | 262.082.005.203 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam | 25.546.428.179 | 196.909.817.422 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii) | 1.146.940.681.902 | 1.293.251.724.400 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iii) | 157.892.587.405 | 157.892.587.405 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (iv) | 105.350.219.871 | 160.716.821.657 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (v) | 202.239.674.939 | 168.996.243.195 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 138.607.216.531 | 97.989.054.135 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP HCM | 106.353.611.100 | 75.600.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (vi) | 173.612.423.758 | 104.216.046.905 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (vii) | 58.348.978.789 | 207.924.750.203 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 6 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với lãi suất từ 15,5%/năm đến 20%/năm (năm 2011 là từ 18,5%/năm đến 22%/năm). Trong đó khoản vay tại PVC Mekong với số tiền 49.769.768.937 VND được đảm bảo bằng nhà và đất tại số 131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với giá trị 60.406.129.986 VND.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương chủ yếu là các khoản vay của Công ty mẹ Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình tái cơ cấu Tổng Công ty theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Trong đó các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC đã quá hạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn là 8,25%/năm, Hợp đồng tín dụng số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm, số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 5 năm 2012 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam bao gồm 4 khoản vay, với lãi suất dao động từ 17%/năm đến 21,5%/năm (năm 2011 là từ 14,6%/năm đến 22%/năm).
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô bao gồm 2 khoản vay với lãi suất dao động từ 14%/năm đến 23%/năm (năm 2011 là từ 14,5% năm đến 23% năm) và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội bao gồm 6 khoản vay với lãi suất dao động từ 10,5%/năm đến 20%/năm (năm 2011 là từ 22%/năm đến 24%/năm).
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt bao gồm 2 khoản vay với lãi suất dao động từ 11%/năm đến 21%/năm (năm 2011 là từ 14%/năm đến 23%/năm).
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long bao gồm 3 khoản vay. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và thay đổi định năm 3 tháng/lần (lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 17%/năm đến 17,5%/năm cho năm 2012).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản vay tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã quá hạn với số tiền như sau:

| | <u>31/12/2012</u> |
|--|---------------------------------|
| | VND |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương | 1.058.097.418.550 |
| Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 121.462.877.481 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội | 40.700.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 97.494.240.291 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam | 96.071.722.220 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt | 75.534.368.809 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt | 52.035.219.871 |
| Các ngân hàng, tổ chức tín dụng khác | 46.610.262.578 |
| | <u>1.588.006.109.800</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

25. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước chủ yếu là số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với số tiền 5.062.596.312.402 VND liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Phải nộp tại | | Phải nộp tại | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | 01/01/2012 | Số phải nộp | Số đã nộp | 31/12/2012 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 84.757.553.237 | 149.883.070.077 | 165.146.532.632 | 69.494.090.682 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 11.888.962.190 | 11.888.962.190 | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 3.209.832.084 | 3.209.832.084 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.237.653.988 | 28.927.909.955 | 80.082.309.003 | (40.916.745.060) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 5.541.698.831 | 28.017.064.120 | 29.675.695.709 | 3.883.067.242 |
| Tiền thuế đất | - | 15.733.662.623 | 15.959.870.320 | (226.207.697) |
| Thuế môn bài | - | 98.000.000 | 98.000.000 | - |
| Thuế khác | 1.081.108.673 | 27.679.963.094 | 10.787.826.691 | 17.973.245.076 |
| Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài | - | 32.094.281.007 | 30.970.853.922 | 1.123.427.085 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 101.618.014.729 | 297.532.745.150 | 347.819.882.551 | 51.330.877.328 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i> | | 33.008.997.288 | | 56.017.072.769 |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | | 134.627.012.017 | | 107.347.950.097 |

27. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Chi phí trích trước của các công trình xây dựng | 497.446.338.034 | 531.338.209.963 |
| Chi phí trích trước lãi vay | 83.018.454.673 | 80.508.343.401 |
| Chi phí phải trả khác | 40.963.690.537 | 23.308.067.407 |
| | 621.428.483.244 | 635.154.620.771 |

28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i) | 228.847.366.691 | 216.356.097.064 |
| Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú | - | 287.312.097.043 |
| Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ (ii) | 44.231.406.871 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii) | 97.319.407.289 | 3.029.191.529 |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 32.064.504.287 | 11.500.000.000 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 28.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCPC | - | 80.000.000.000 |
| Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh | 35.784.533.222 | - |
| Chi phí lãi vay | 89.470.162.426 | 6.833.297.354 |
| Nhận đặt cọc ngắn hạn | 28.441.330.028 | 25.078.421.231 |
| Các khoản phải trả, phải nợ ngắn hạn khác | 293.512.977.948 | 347.785.923.965 |
| | 877.671.688.762 | 1.005.895.028.186 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) chủ yếu bao gồm: (i) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/9/2010, (ii) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/7/2010 ký với PetroVietnam, và (iii) vốn PetroVietnam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang.
- (ii) Khoản tiền PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty) nhận từ các nhà đầu tư theo các hợp đồng mua bán căn hộ chung cư.
- (iii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty con theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Trong đó, số lãi vay quá hạn phải trả khoảng 88.891.803.440 VND.

29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 1.564.871.632.337 | 1.742.890.695.590 |
| - Vay tại Công ty mẹ | 47.597.183.300 | - |
| - Vay tại các công ty con | 1.517.274.449.037 | 1.742.890.695.590 |
| Nợ dài hạn | 197.905.733.263 | 98.713.616.202 |
| - Nợ dài hạn tại Công ty mẹ | 1.071.505.306 | 2.500.179.058 |
| - Nợ dài hạn tại các công ty con | 196.834.227.957 | 96.213.437.144 |
| | <u>1.762.777.365.600</u> | <u>1.841.604.311.792</u> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại
Thuyết minh số 24) | (294.649.977.200) | (398.244.782.175) |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>1.468.127.388.400</u> | <u>1.443.359.529.617</u> |

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn chủ yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i) | 303.619.169.540 | 358.176.394.721 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii) | 424.516.846.164 | 561.277.276.373 |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (iii) | 258.496.035.819 | 226.423.178.755 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 37.170.029.311 | 20.742.670.594 |
| Trái phiếu phát hành (iv) | 95.000.000.000 | 54.000.000.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của Công ty mẹ Tổng Công ty nhận chuyển nhượng lại từ PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ ba bên giữa PVC-ME, Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận lại khoản vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND. Khoản vay có thời hạn đến ngày 03 tháng 9 năm 2015 với lãi suất trong năm 2012 là 15%/năm.

- Khoản vay của PVC-Petroland tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng số 09.102035/HĐTD-TDH ngày 07/01/2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm thương mại tài chính Phú Mỹ Hưng. Thời hạn vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất tại lô đất C6-A01, phường Tân Phú, quận 7 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương bao gồm 3 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của PVC-MT từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

- Khoản vay của PVC-MS tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMS ngày 26 tháng 6 năm 2011, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay của PVC-ME từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0038/2010/HĐTD1-OCEANBANK07 ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho mục đích tài trợ tín dụng dài hạn và mở L/C để thanh toán cho dự án "Đầu tư mua sắm hệ thống thiết bị phục vụ khoan cọc nhồi trên biển nhằm nâng cao năng lực thi công khoan cọc nhồi vào đá trên biển có đường kính khoan lớn", thời hạn vay 7 năm. Lãi suất trong hạn là 15%/năm. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm 2 khoản vay của PVC-Thanh Hóa:

- Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND và Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/HĐT-DH0403210/PVFCTL-PVFCLAND/PL02 với số tiền vay là 295.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh thuộc khu tổ hợp Thương mại-Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư khoản vay này là 223.462.496.438 VND, lãi suất vay áp dụng cho năm 2012 là 21,2%/năm. Biện pháp bảo đảm là thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư để thực hiện dự án Khách sạn Lam Kinh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (toàn bộ vật tư phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất dự án Khách sạn Lam Kinh).

- Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08 ngày 19 tháng 12 năm 2008 với số tiền vay là 53.248.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở văn phòng đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 38A Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư khoản vay này là 20.255.097.556 VND, lãi suất vay áp dụng cho năm 2012 là 22,5%/năm.

(iv) Trái phiếu phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản của PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty). Bên mua trái phiếu phát hành là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Giá trị trái phiếu được phát hành theo Hợp đồng số 026-12/HĐĐMTP-HCM ngày 29 tháng 2 năm 2012 phát hành là 95 tỷ VND (tương đương 95 trái phiếu, mỗi trái phiếu 1 tỷ VND). Mục đích phát hành trái phiếu là tái cơ cấu một phần khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 233-10/HĐTD-HCM ngày 12 tháng 8 năm 2010 giữa PVC-Land và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành đầu tiên (ngày 02 tháng 3 năm 2012), ngày đáo hạn là 02 tháng 3 năm 2015. Trái phiếu này áp dụng lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, mức điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm của trái phiếu là 3.695,3 m² Quyền sử dụng đất sản xuất kinh doanh dịch vụ, khách sạn, văn phòng (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc dự án Khu văn phòng, chung cư An Phú, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh và toàn bộ tài sản trên đất hình thành trong tương lai là các căn hộ chung cư chưa bán và các công trình khác thuộc dự án Khu văn phòng, chung cư An Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ
VND | Thặng dư
vốn cổ phần
VND | Vốn khác của
chủ sở hữu
VND | Cổ phiếu quỹ
VND | Chênh lệch tỷ giá
hối đoái
VND | Quỹ đầu tư
phát triển
VND | Quỹ dự phòng
tài chính
VND | Quỹ khác thuộc
vốn chủ sở hữu
VND | (Lỗ) lũy kế/Lợi
nhuận sau
thuế chưa
phân phối
VND | Cộng
VND |
|---|--------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---|---|----------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2011 | 2.500.000.000.000 | 2.784.109.156 | 3.063.276.244 | - | (15.676.968.928) | 28.447.405.122 | 19.133.566.885 | 544.719.133 | 326.678.693.275 | 2.864.974.803.887 |
| - Đánh giá chênh lệch tỷ giá | - | - | - | - | (3.438.633.045) | - | - | - | - | (3.438.633.045) |
| - Lỗ trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | (19.123.725.341) | (19.123.725.341) |
| - Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | (6.543.182.595) | - | - | - | - | - | (6.543.182.595) |
| - Phân phối lợi nhuận | - | 1.360.159.170 | - | - | - | 34.585.867.679 | 33.541.939.939 | 3.483.401.997 | (152.192.019.861) | (79.220.651.076) |
| - Tăng/(Giảm) khác | - | - | - | - | - | - | - | - | (703.067.993) | (703.067.993) |
| Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày
lại) | 2.500.000.000.000 | 4.144.268.326 | 3.063.276.244 | (6.543.182.595) | (19.115.598.973) | 63.033.272.801 | 52.675.506.824 | 4.028.121.130 | 154.659.880.080 | 2.755.945.543.837 |
| - Nhận vốn góp (i) | 1.375.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1.375.000.000.000 |
| - Đánh giá chênh lệch tỷ giá | - | - | - | - | 19.115.598.973 | - | - | - | - | 19.115.598.973 |
| - Lỗ trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | (1.338.390.989.631) | (1.338.390.989.631) |
| - Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | (519.450.862) | - | - | - | - | - | (519.450.862) |
| - Phân phối lợi nhuận (ii) | - | - | - | - | - | 18.989.583.862 | 10.716.093.498 | 368.348.753 | (39.614.477.438) | (9.540.451.325) |
| - Ảnh hưởng điều chỉnh hối tố
của Kiểm toán Nhà nước | - | - | - | - | - | - | - | - | 30.987.347.890 | 30.987.347.890 |
| - Trả cổ tức bằng cổ phiếu | - | - | - | - | - | - | - | - | (125.000.000.000) | - |
| - Thay đổi do hợp nhất thêm/
thanh lý công ty con | 125.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lợi nhuận chưa thực hiện | - | (4.144.268.326) | - | 3.568.500.050 | - | (2.248.072.274) | 64.393.806 | (1.327.301.752) | - | (4.086.748.496) |
| - Tăng/(Giảm) khác | - | - | - | - | - | - | (5.803.146) | (250.750.399) | 22.296.375.141 | 22.296.375.141 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 4.000.000.000.000 | - | 3.063.276.244 | (3.494.133.407) | - | 79.774.784.389 | 63.450.190.982 | 2.818.417.732 | (1.297.499.192.128) | 2.848.113.343.812 |

(i) Tổng Công ty phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết số 108/NQ-XLDK ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tổng số vốn phát hành thêm là 1.500.000.000.000 VND, bao gồm:

- Vốn góp bằng tiền: 1.375.000.000.000 VND (Một nghìn ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng).

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 125.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(ii) Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 18.989.583.862 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 10.716.093.498 VND;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích là 368.348.753 VND;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích là 8.310.884.535 VND;
- Quỹ thưởng Ban quản lý được trích là 1.229.566.790 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | | Vốn đã góp tại ngày | |
|---|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | % | 31/12/2012
VND | 31/12/2011
VND |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.181.733.331.000 | 54,55% | 2.181.733.331.000 | 1.030.222.220.000 |
| Quỹ Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF | 194.490.680.000 | 4,86% | 203.100.680.000 | 125.688.180.000 |
| Các cổ đông khác | 1.623.775.990.000 | 40,59% | 1.615.165.989.000 | 1.344.089.600.000 |
| | 4.000.000.001.000 | 100% | 4.000.000.000.000 | 2.500.000.000.000 |

Cổ phiếu

| | 31/12/2012
Cổ phiếu | 31/12/2011
Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| + Cổ phiếu phổ thông | 400.000.000 | 250.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| + Cổ phiếu phổ thông | 2.971 | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| + Cổ phiếu phổ thông | 399.997.029 | 250.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| Bộ phận Xây lắp | - xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; |
| Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng | - kinh doanh nhà và hạ tầng; |
| Bộ phận dịch vụ và khác | - cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản. |

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

500 - C
TY
HỮU HẠ
TE
VAM
P. HA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| Tài sản | Xây lắp
VND | Kinh doanh
nhà và hạ tầng
VND | Dịch vụ và khác
VND | Loại trừ khi hợp
nhất
VND | Tổng cộng
VND |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Tài sản bộ phận | 17.279.910.830.159 | 4.412.752.563.479 | 803.987.178.275 | (4.164.838.966.460) | 18.331.811.605.453 |
| Lãi từ công ty liên kết | (98.750.926.600) | - | - | - | (98.750.926.600) |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | 720.954.830.430 |
| Tổng tài sản hợp nhất | - | - | - | - | 18.954.015.509.283 |
| Nợ phải trả | 12.797.473.514.990 | 2.207.001.073.785 | 544.270.110.372 | (1.962.384.953.238) | 13.586.359.745.909 |
| Nợ phải trả bộ phận | - | - | - | - | 270.145.494.117 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - | 13.856.505.240.026 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | - | - | - | - | 13.856.505.240.026 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại)

| Tài sản | Xây lắp
VND | Kinh doanh
nhà và hạ tầng
VND | Dịch vụ và khác
VND | Loại trừ khi hợp
nhất
VND | Tổng cộng
VND |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Tài sản bộ phận | 12.509.819.934.158 | 3.698.166.289.426 | 1.076.035.954.989 | (4.360.570.822.633) | 12.923.451.355.940 |
| Lãi từ công ty liên kết | 27.065.080.516 | - | - | - | 27.065.080.516 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | 3.822.552.643.393 |
| Tổng tài sản hợp nhất | - | - | - | - | 16.773.069.079.849 |
| Nợ phải trả | 8.374.312.446.461 | 1.827.528.816.723 | 524.308.550.205 | (1.959.093.051.251) | 8.767.056.762.138 |
| Nợ phải trả bộ phận | - | - | - | - | 2.526.229.857.125 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - | 11.293.286.619.263 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | - | - | - | - | 11.293.286.619.263 |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Năm 2012

| Doanh thu | Xây lắp | Kinh doanh
nhà và hạ tầng | Dịch vụ và khác | Loại trừ khi hợp
nhất | Tổng cộng |
|--|--------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 4.555.563.113.963 | 453.123.141.273 | 314.445.954.436 | (853.628.069.959) | 4.469.504.139.713 |
| Giá vốn hàng bán | 4.742.447.774.885 | 449.059.950.869 | 318.966.429.798 | (830.466.724.157) | 4.680.007.431.395 |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | <u>(186.884.660.922)</u> | <u>4.063.190.404</u> | <u>(4.520.475.362)</u> | <u>(23.161.345.802)</u> | <u>(210.503.291.682)</u> |
| Chi phí không phân bổ | | | | | <u>(1.051.984.926.089)</u> |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | <u>(1.262.488.217.771)</u> |
| Phần lợi nhuận trong công ty liên kết | | | | | (111.859.764.350) |
| Lợi nhuận khác | | | | | 8.588.651.380 |
| Lợi nhuận từ hoạt động tài chính | | | | | <u>(458.102.693.890)</u> |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | <u>(1.823.862.024.631)</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | <u>(23.475.158.723)</u> |
| Lợi nhuận trong năm | | | | | <u>(1.847.337.183.354)</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Năm 2011 (Trình bày lại)

| | Xây lắp | Kinh doanh
nhà và hạ tầng | Dịch vụ và khác | Loại trừ khi hợp
nhất | Tổng cộng |
|--|--------------------|------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu | | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 10.471.879.724.292 | 1.222.918.513.014 | 711.877.676.473 | (3.134.756.327.298) | 9.271.919.586.481 |
| Giá vốn hàng bán | 9.914.320.933.942 | 988.929.522.787 | 646.291.478.531 | (3.287.534.722.422) | 8.262.007.212.838 |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | 557.558.790.350 | 233.988.990.227 | 65.586.197.942 | 152.778.395.124 | 1.009.912.373.643 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | (733.436.709.415) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 276.475.664.228 |
| Phần lợi nhuận trong công ty liên kết | | | | | 27.065.080.516 |
| Lợi nhuận từ các khoản đầu tư | | | | | 43.953.683.757 |
| Lợi nhuận khác | | | | | (162.584.821.661) |
| Lợi nhuận từ hoạt động tài chính | | | | | 184.909.606.840 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | (87.664.223.334) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 97.245.383.506 |
| Lợi nhuận trong năm | | | | | |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Miền Bắc | 1.846.847.772.101 | 6.649.921.427.697 |
| Miền Trung | 200.146.358.637 | 927.771.317.752 |
| Miền Nam | 3.276.138.078.934 | 5.236.740.380.163 |
| Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất | (853.628.069.959) | (3.542.513.539.131) |
| | 4.469.504.139.713 | 9.271.919.586.481 |

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

| | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận | | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình | |
|--------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|--|------------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | (Trình bày lại)
VND | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Miền Bắc | 15.214.153.787.519 | 12.383.906.088.873 | 111.640.581.065 | 167.051.233.641 |
| Miền Trung | 717.332.428.149 | 1.522.434.544.377 | 2.631.657.434 | 128.641.096.125 |
| Miền Nam | 7.286.119.186.675 | 7.358.185.105.932 | 79.645.439.483 | 714.951.636.919 |
| Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất | (4.263.589.893.060) | (4.491.456.659.333) | - | (20.500.522.674) |
| | 18.954.015.509.283 | 16.773.069.079.849 | 193.917.677.982 | 990.143.444.011 |

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Hoạt động xây lắp | 3.708.551.869.889 | 7.336.920.321.958 |
| Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng | 453.123.141.273 | 1.223.042.588.050 |
| Hoạt động dịch vụ | 106.227.099.971 | 56.400.863.096 |
| Hoạt động tư vấn xây dựng | 6.373.586.800 | 22.011.109.659 |
| Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị | 21.845.791.093 | 441.694.322.200 |
| Hoạt động khác | 173.382.650.687 | 191.850.381.518 |
| | 4.469.504.139.713 | 9.271.919.586.481 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

| | 2012 | 2011 |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Hoạt động xây lắp | 3.918.597.876.613 | 6.626.786.211.520 |
| Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng | 449.059.950.869 | 988.929.522.787 |
| Hoạt động dịch vụ | 92.557.880.006 | 44.107.536.785 |
| Hoạt động tư vấn xây dựng | 18.974.994.225 | 18.748.740.437 |
| Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị | 12.121.325.142 | 405.052.972.564 |
| Hoạt động khác | 188.695.404.540 | 178.382.228.745 |
| | 4.680.007.431.395 | 8.262.007.212.838 |

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Lãi chuyển nhượng cổ phần | 7.621.587.521 | 101.695.374.644 |
| Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng | 86.763.382.347 | 151.579.180.915 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 8.559.078.131 | 37.388.386.555 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.157.318.459 | 7.547.134.320 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 25.482.655 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 24.969.467.424 | 16.581.788.941 |
| | 129.096.316.537 | 314.791.865.375 |

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2012 | 2011 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| Chi phí lãi vay | 475.987.230.490 | 306.487.481.093 |
| Lỗ chuyển nhượng cổ phần | - | 4.660.550.000 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (*) | 26.912.306.074 | 170.925.755.200 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | (898.160.029) | (23.910.550.000) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 31.629.294.024 | 752.743.295 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 9.494.877.145 | - |
| Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh | 35.784.533.222 | - |
| Chi phí tài chính khác | 8.288.929.501 | 18.460.707.448 |
| | 587.199.010.427 | 477.376.687.036 |

(*) Việc trích lập dự phòng được Tổng Công ty lập dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các công ty. Với các công ty có báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính trước kiểm toán. Với những công ty chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2012 | Năm 2011 |
|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.053.348.474.989 | 2.666.394.846.002 |
| Chi phí nhân công | 743.992.616.722 | 1.042.044.156.247 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 247.047.119.019 | 144.700.901.064 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.287.802.526.124 | 5.556.844.855.319 |
| Chi phí dự phòng | 403.553.061.472 | 151.156.857.690 |
| Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác | 584.786.607.672 | 1.669.266.400.835 |
| | 5.320.530.405.998 | 11.230.408.017.157 |

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | 2012 | 2011 |
|--|----------------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại)
VND |
| (Lỗ)/ Lợi nhuận kế toán trước thuế | (1.823.862.024.631) | 184.909.606.840 |
| Trừ: | | |
| Thu nhập không chịu thuế | (24.746.547.669) | (47.947.704.088) |
| Chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang | - | (9.239.870.595) |
| Cộng: | | |
| Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang | 14.838.375.910 | 42.321.719.068 |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm | 16.963.967.541 | 196.796.293.767 |
| Các khoản dự phòng | 127.145.717.510 | - |
| Thu nhập chịu thuế | (1.689.660.511.339) | 366.840.044.992 |
| - Lỗ | (1.805.333.894.800) | (246.587.250.134) |
| - Lãi tính thuế | 115.673.383.461 | 613.427.295.126 |
| Thuế suất (*) | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 28.918.345.865 | 153.356.823.782 |
| Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước | 9.564.090 | 3.665.341 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 28.927.909.955 | 153.360.489.123 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (5.452.751.232) | (65.696.265.789) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 23.475.158.723 | 87.664.223.334 |

(*) Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | Đơn vị | 2012 | 2011
(Trình bày lại) |
|---|----------|---------------------|-------------------------|
| (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | VND | (1.847.337.183.354) | 97.245.383.506 |
| (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND | (1.338.390.989.631) | (19.123.725.341) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính | Cổ phiếu | 364.657.534 | 250.000.000 |
| (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | | | |
| (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | VND | (3.670) | (76) |
| Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu | VND | 10.000 | 10.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh vay vốn cho các công ty con vay vốn tại các Ngân hàng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

| Đơn vị được bảo lãnh | Ngân hàng, tổ chức tín dụng | Thời hạn bảo lãnh | Dư Nợ quá hạn tại ngày 31/12/2012 |
|-----------------------------|---|--|--|
| PVC-HN | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
VIB - Hội sở chính | Từ ngày 31/12/2011
đến ngày 30/4/2012 | 67.296.557.537 |
| PVC-HN | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 | Từ ngày 30/4/2012
đến ngày 31/12/2012 | 102.475.863.953 |
| PVC-ME | Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô | Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012 | 51.985.219.871 |
| PVC-ME | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Trụ sở chính | Từ ngày 26/7/2011
đến ngày 26/7/2012 | 14.312.967.325 |
| PVC-Metal | Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn | Từ ngày 31/12/2011
đến ngày 20/9/2012 | 14.213.086.927 |
| PVC-IMICO | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PGD Ngô Quyền | Từ ngày 31/12/2011
đến ngày 21/4/2012 | 99.700.000.000 |
| PVC-MT | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng | Từ ngày 26/6/2012
đến ngày 26/12/2012 | 53.890.315.030 |
| PVC-SG | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 | Từ ngày 31/5/2012
đến ngày 31/12/2012 | 139.373.924.653 |
| PVC-SG | Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn | Từ ngày 31/12/2011
đến ngày 30/8/2012 | 99.912.312.503 |
| Tổng cộng | | | 643.160.247.799 |

Tổng Công ty cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND và ghi nhận là khoản phải thu khác. Ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu Ngân sách Nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khoản công nợ phải trả nêu trên và tăng chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc chưa ghi nhận công nợ do chưa ước tính được nghĩa vụ nợ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 29 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 4.156.873.050.044 | 4.811.008.534.861 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 736.104.188.896 | 784.019.160.576 |
| Nợ thuần | 3.420.768.861.148 | 4.026.989.374.285 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.848.113.343.812 | 2.755.945.543.837 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 1,20 | 1,46 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 736.104.188.896 | 784.019.160.576 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.226.441.601.079 | 2.870.769.735.815 |
| Đầu tư ngắn hạn | 229.958.611.401 | 128.651.936.567 |
| Đầu tư dài hạn | 1.066.032.370.840 | 1.885.643.279.493 |
| Các khoản ký quỹ | 1.684.618.981.560 | 12.973.535.022 |
| Tổng cộng | 5.943.155.753.776 | 5.682.057.647.473 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay và nợ | 4.156.873.050.044 | 4.811.008.534.861 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.522.417.610.134 | 2.615.756.736.838 |
| Chi phí phải trả | 621.428.483.244 | 635.154.620.771 |
| Tổng cộng | 7.300.719.143.422 | 8.061.919.892.470 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Công nợ | | Tài sản | |
|----------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | 5.110.040.008.803 | 49.587.523.875 | 2.530.716.090.251 | 92.800.096.360 |
| Yên Nhật (JPY) | 1.173.825.688 | 1.305.462.412 | - | - |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì (lỗ) trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (Tiếp theo)*

| | <u>Năm 2012</u> | <u>Năm 2011</u> |
|----------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | (257.932.391.855) | 4.321.257.249 |
| Yên Nhật (JPY) | (117.382.569) | (130.546.241) |

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

| | <u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u> | <u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> |
|--|-----------------------------------|---|
| | | VND |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 | | |
| VND | 200 | (60.198.647.363) |
| VND | (200) | 60.198.647.363 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 | | |
| VND | 200 | (70.355.136.209) |
| VND | (200) | 70.355.136.209 |

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 41.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 736.104.188.896 | - | 736.104.188.896 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.221.085.617.210 | 5.355.983.869 | 2.226.441.601.079 |
| Đầu tư tài chính | 229.958.611.401 | 1.066.032.370.840 | 1.295.990.982.241 |
| Các khoản ký quỹ | 1.684.618.981.560 | - | 1.684.618.981.560 |
| Tổng cộng | 4.871.767.399.067 | 1.071.388.354.709 | 5.943.155.753.776 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.522.417.610.134 | - | 2.522.417.610.134 |
| Chi phí phải trả | 621.428.483.244 | - | 621.428.483.244 |
| Các khoản vay | 2.657.865.125.504 | 1.271.293.160.443 | 3.929.158.285.947 |
| Công nợ tài sản tài chính đi thuê | 30.880.536.140 | 196.834.227.957 | 227.714.764.097 |
| Tổng cộng | 5.832.591.755.022 | 1.468.127.388.400 | 7.300.719.143.422 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (960.824.355.955) | (396.739.033.691) | (1.357.563.389.646) |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Từ 1 - 5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 784.019.160.576 | - | 784.019.160.576 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.865.403.058.611 | 5.366.677.204 | 2.870.769.735.815 |
| Đầu tư tài chính | 128.651.936.567 | 1.885.643.279.493 | 2.014.295.216.060 |
| Các khoản ký quỹ | 12.973.535.022 | - | 12.973.535.022 |
| Tổng cộng | 3.791.047.690.776 | 1.891.009.956.697 | 5.682.057.647.473 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.615.756.736.838 | - | 2.615.756.736.838 |
| Chi phí phải trả | 635.154.620.771 | - | 635.154.620.771 |
| Các khoản vay | 3.343.678.059.636 | 1.347.146.092.473 | 4.690.824.152.109 |
| Công nợ tài sản tài chính đi thuê | 23.970.945.608 | 96.213.437.144 | 120.184.382.752 |
| Tổng cộng | 6.618.560.362.853 | 1.443.359.529.617 | 8.061.919.892.470 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (2.827.512.672.077) | 447.650.427.080 | (2.379.862.244.997) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có tập trung rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2012 | 2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 1.278.698.514.382 | 3.980.023.313.639 |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2012 | 2011 |
|--------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 5.779.506.854 | 8.556.583.112 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 5.546.942.139 | 10.400.177.569 |
| Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 262.429.704.861 | 318.745.705.820 |
| Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ứng trước | 782.906.701 | 782.906.701 |
| Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước | 5.337.833.293.900 | 1.532.060.676.141 |
| Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 10.642.097.554 | 883.484.853 |
| Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 128.130.321.968 | 32.736.410.278 |
| Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 1.288.278.489 | 7.614.504.649 |
| Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | - | 2.008.154.052 |
| Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 133.088.891.446 | 67.402.462.286 |
| Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 228.847.366.691 | 233.142.660.824 |
| Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 35.249.408.554 | 288.481.187.490 |
| Các khoản vay: | | |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương (Ocean Bank) | | |
| - Vay ngắn hạn | 1.146.940.681.902 | 1.293.251.724.400 |
| - Vay dài hạn | 424.516.846.164 | 561.277.276.373 |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | | |
| - Vay ngắn hạn | 245.069.108.470 | 262.082.005.203 |
| - Vay dài hạn | 258.496.035.819 | 226.423.178.755 |

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Theo Công văn số 3405/DKVN-HĐTV ngày 04 tháng 5 năm 2012 của PVN trình Thủ tướng chính phủ về việc xử lý các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Nhà thầu chưa lường hết các rủi ro, phần việc phát sinh ngoài giá trị hợp đồng đã ký dự kiến khoảng 1.121 tỷ VND, giá trị Nhà thầu kiến nghị giải quyết là 1.042 tỷ VND và giá trị Ban QLDA kiến nghị giải quyết là 735 tỷ VND. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Theo hướng dẫn tại Công văn số 9650/DKVN-XD ngày 12 tháng 12 năm 2012 về “phương án xác định các phát sinh chưa lường hết của hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”, Tổng Công ty đã trình Công văn số 409/XLDK-KTĐT ngày 31 tháng 01 năm 2013 gửi cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về “bóc tách khối lượng và lập giá trị các hạng mục do PVC thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”. Theo đó, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty, theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lỗ tiềm tàng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu Ngân sách Nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này, Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khoản công nợ phải trả nêu trên và đối ứng vào chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ.

Ngày 20 tháng 3 năm 2013, Hội đồng quản trị của PVC-Mekong (Công ty con của Tổng công ty) có Nghị quyết số 02/NQ-ĐTDK thống nhất phê duyệt phương án chuyển nhượng dự án Bạc Liêu Tower theo hình thức đấu giá công khai để cân bằng tình hình tài chính của Công ty. Giá bán khởi điểm của Bạc Liêu Tower được phê duyệt theo giá trị thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định – Giám định Cửu Long là 201.862.283.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Bùi Hoàng Giang
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



Phạm Tiên Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng Giám đốc *Ngọc Hùng*